

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỶ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 – 9 – 2024.

“*V/v ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỶ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Trịnh Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Đình T, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn NL, xã TK1, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn NL, xã TK1, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Anh T có mặt, chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Vũ Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TK1, huyện TK, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà riêng của anh tại thôn NL, xã TK1, huyện TK. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, không cùng nhau chia sẻ, tình cảm vợ chồng

ngày càng phai nhạt. Tháng 3/2024, chị L bỏ đi về nhà mẹ ruột của chị L ở huyện NG hay đi đâu anh cũng không rõ và vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị L chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập chị L đến Toà làm việc nhưng chị L không đến Tòa án làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm với yêu cầu của anh T và vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Kết quả làm việc với đại diện Ủy ban nhân dân xã TK1 và các đoàn thể xã, trưởng thôn NL thể hiện: Anh T và chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK1 ngày 31/12/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên tháng 3/2024, chị L dọn đồ nói là về nhà bố mẹ đẻ của chị ở huyện Ninh Giang sống nhưng không biết chị L đi đâu. Anh T và chị L không còn chung sống với nhau. Nay anh T khởi kiện xin ly hôn với chị L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị L không có con chung.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T cung cấp thông tin chị L có về nhà bố mẹ đẻ của chị tại Xóm Z, Thôn VX, xã VH, huyện NG, tỉnh Hải Dương sinh sống. Kết quả làm việc với UBND xã VH, huyện NG thể hiện: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983, là người tại địa phương. Năm 2022, chị L lấy chồng là anh Vũ Đình T về sống tại xã TK huyện TK, tỉnh Hải Dương. Từ năm 2023, chị L không thường xuyên về nhà bố mẹ đẻ và không sinh sống tại đây, thi thoảng chỉ về thăm bố mẹ chị, chị L thường lên HN đi làm ở nhà con riêng của chị (không biết cụ thể địa chỉ của chị L). Đồng thời, kết quả làm việc với anh Nguyễn Trọng P (anh ruột chị L) thể hiện: Chị L không sống tại nhà bố mẹ đẻ chị tại xã VX mà chị L đang sống với con riêng của chị tại H N (anh không biết địa chỉ cụ thể). Sau khi Tòa án xác minh nơi cư trú của chị L tại địa phương, anh có thông tin cho chị L biết về việc Tòa án huyện Tứ Kỳ đang thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của anh Thắng; chị L cũng thể hiện quan điểm là thông nhất ly hôn với anh Thắng, đồng ý Tòa án huyện Tứ Kỳ giải quyết nhưng do công việc làm ăn nên chị không về Tòa án để giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 BLTTDS;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thắng, xử cho anh T được ly hôn với chị L ; Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2022 nên hôn nhân giữa anh T và chị L là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Thắng, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị L đã bỏ đi, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về quan điểm sống, không hòa hợp, không chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống. Tháng 3/2024, chị L và anh T sống ly thân với nhau, anh T cho rằng chị L về nhà bố mẹ đẻ tại xóm z, thôn VX, xã VH, huyện NG, tỉnh Hải Dương sinh sống nhưng theo xác minh tại địa phương và người thân của chị L cung cấp thông tin chị L chỉ về thăm, không thường xuyên sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ và biết được chị sống, làm việc ở HN nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Chị L cũng không cung cấp địa chỉ nơi chị đang ở cho những người thân được biết. Hiện nay, anh T cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị L để cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập được xác định chị L hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn NL, xã TK1, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Như vậy, anh T đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện theo xác nhận thông tin về cư trú ngày 25/4/2024 của Công an xã TK1 được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi chị L đi nơi khác nhưng không thông báo cho anh T biết về nơi cư trú, làm việc mới được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho anh T trong việc ly hôn nên Tòa án căn cứ vào nơi cư trú của chị L để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu của anh Thắng, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, chị L cũng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo các văn bản đã được Tòa án niêm yết tại các địa phương, Tuy nhiên, quá trình làm việc với người thân của chị L đã xác định chị L biết anh T đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị, thông qua đó, chị có quan điểm thống nhất ly hôn với anh T nhưng do công việc không thể về tham gia tố tụng. Tại phiên tòa anh T vẫn giữ quan điểm đề nghị ly hôn với chị L. Như vậy, có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận

yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị L để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Anh Vũ Đình T xác định anh và chị Nguyễn Thị L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Đình T . Xử cho anh Vũ Đình T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L .

[2] Về án phí: Anh Vũ Đình T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, theo biên lai số: 0004892 ngày 02 tháng 5 năm 2024.

[3] Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Đình T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã TK, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như